

Bản án số: 124/2024/DS-ST

Ngày: 21/3/2024

V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nam H,

- Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Quang C,
Bà Phan Thị Diệu H1.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh H2, T ký Toà
án nhân dân Quận T, T1 phố Hịa Chí M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T, T1 phố Hịa Chí M tham gia
phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu H3, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận T, T1 phố
Hịa Chí M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 578/2023/DSST
ngày 02 tháng 11 năm 2023, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Q định
đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024,
Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2024/QĐST-HPT ngày 29 tháng 02 năm
2024, giữa các bên đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (D1); địa chỉ: B T,
phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền:
anh Nguyễn Quốc V (có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: 1. ông Trần Văn D (vắng mặt tại phiên tòa),

2. bà Văn Thị S (vắng mặt tại phiên tòa),

Cùng địa chỉ: 4 L, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên
đơn tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau: Ông Trần Văn D và bà Văn Thị S ký
Hợp đồng tín dụng số K.0078/1322 ngày 27/07/2022 với Ngân hàng TMCP Đ,
Chi nhánh Q1, Phòng G (sau đây gọi tắt là: D1), số tiền vay: 500.000.000 đồng,
lãi suất: 11%/năm (áp dụng 12 tháng đầu), thời hạn vay: 84 tháng, mục đích
vay: mua xe ô tô con Subaru.

Biện pháp đảm bảo: Ông **Trần Văn D** và bà **Văn Thị S** thế chấp cho **D1** chiếc xe ô tô theo Hợp đồng thế chấp số K.0078/TC22 ngày 27/07/2022, đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định.

Trong quá trình vay, từ ngày 27/07/2022 đến ngày 19/01/2023, ông **Trần Văn D** và bà **Văn Thị S** chỉ trả được tổng số tiền như sau: Vốn: 35.700.000 đồng, lãi trong hạn: 25.240.058 đồng, lãi quá hạn: 8.069 đồng, yổng cộng: 60.948.127 đồng.

Đến thời điểm tháng 10/2023 ông **Trần Văn D** và bà **Văn Thị S** đã trễ 9 kỳ hạn đóng nợ gốc, lãi cho **D1**, **D1** đã nhiều lần mời ông **D** lên trụ sở **D1** làm việc; cử nhân viên liên hệ qua điện thoại, xuống làm việc trực tiếp tại địa chỉ của khách hàng,... nhưng ông **Trần Văn D** và bà **Văn Thị S** không hợp tác, không làm việc với nhân viên **D1**.

Ông **Trần Văn D** và bà **Văn Thị S** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, từ ngày 27/02/2023, **D1** đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 21/3/2024, ông **Trần Văn D** và bà **Văn Thị S** còn nợ: vốn: 463.000.000 đồng, lãi trong hạn: 56.105.126 đồng, lãi quá hạn: 7.764.603 đồng, tổng cộng nợ vốn và lãi: 526.869.729 đồng.

D1 yêu cầu Tòa án giải quyết: Ông **Trần Văn D** và bà **Văn Thị S** phải thanh toán ngay cho **D1** tổng số nợ còn thiếu (gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, vốn) tính đến ngày 21/3/2024 là: 526.869.729 đồng, tiền lãi phát sinh từ ngày 22/3/2024 đến ngày ông **Trần Văn D** và bà **Văn Thị S** thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho **D1** theo lãi suất quá hạn được quy định tại các hợp đồng vay số K.0078/1322 ngày 27/07/2022.

Trường hợp ông **Trần Văn D** và bà **Văn Thị S** không thực hiện thanh toán, thanh toán không đủ số nợ, **D1** được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền đấu giá tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho **D1**, đối với chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Subaru, biển kiểm soát số: 51K-374.75 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do **Công an Thành phố H** cấp ngày 25/07/2022, chủ sở hữu/sử dụng là ông **Trần Văn D**.

Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông **Trần Văn D** và bà **Văn Thị S** tại **D1**, ông **Trần Văn D** và bà **Văn Thị S** tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **D1**.

* Đối với đồng bị đơn ông **Trần Văn D** và bà **Văn Thị S**: đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 578/2023/TB-TLVA ngày 02 tháng 11 năm 2023; giấy triệu tập tự khai; hai Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 21 tháng 12 năm 2023 và ngày 18 tháng 01 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông **Trần Văn D** và bà **Văn Thị S** đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án quyết định xét xử vụ án theo trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: việc xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện thủ tục tố tụng đạt các loại văn bản tố tụng và xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn nộp thể hiện tính đến ngày 21/3/2024, ông **Trần Văn D** và bà **Văn Thị S** còn nợ hợp đồng tín dụng, gồm: vốn 463.000.000 đồng, lãi trong hạn 56.105.126 đồng, lãi quá hạn 7.764.603 đồng, tổng cộng nợ vốn và lãi 526.869.729 đồng. Đồng bị đơn đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến và bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Kết quả phân thủ tục hỏi, phân tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy việc thẩm tra, xem xét chứng cứ của Hội đồng xét xử là đầy đủ, rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc ông **Trần Văn D** và bà **Văn Thị S** thanh toán số nợ hợp đồng tín dụng tính đến ngày 21/3/2024 là: vốn 463.000.000 đồng, lãi trong hạn 56.105.126 đồng, lãi quá hạn 7.764.603 đồng, tổng cộng nợ vốn và lãi 526.869.729 đồng, thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp ông **Trần Văn D** và bà **Văn Thị S** không thực hiện thanh toán, thanh toán không đủ số nợ, **D1** được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền đấu giá tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, đối với chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Subaru, biển kiểm soát số: 51K-374.75 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do **Công an Thành phố H** cấp ngày 25/07/2022, chủ sở hữu/sử dụng là ông **Trần Văn D**.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, **H4** đồng xét xử nhận định:

* *Về tố tụng:*

[1] Hình thức, nội dung Đơn khởi kiện của **Ngân hàng TMCP Đ** (gọi tắt là: **D1**) thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về tư cách pháp nhân: **D1** được **Ngân hàng N** cấp giấy phép hoạt động số 0009/NH-GP ngày 27/3/1992; Giấy phép thành lập công ty số 135/GP-UB do **Ủy ban nhân dân Thành phố H** cấp ngày 06/4/1992; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301442379, đăng ký lần đầu ngày 08/4/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 40 ngày 19/8/2022, được cấp bởi Phòng đăng ký kinh doanh - **Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H**. Như vậy, về tư cách pháp nhân của Ngân hàng, phù hợp quy định của Luật doanh nghiệp.

[3] Về việc ủy quyền tham gia tố tụng: Chủ tịch Hội đồng quản trị **D1** có Quyết định số: 763/QĐ-DAB-HĐQT-PC ngày 08/8/2022 và số 138/QĐ-DAB-HĐQT-PC ngày 01/8/2022 về việc ủy quyền thường xuyên cho cán bộ, nhân viên tại **D1** thực hiện một số công việc tại các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan. Do vậy, Giám đốc **Phòng G** ký Đơn khởi kiện; sau đó Giám đốc **Phòng G** đã có văn bản ủy quyền lại cho anh **Nguyễn Quốc V** tham gia tố tụng trong vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng vay tài sản đối với ông **Trần Văn D** và bà **Văn Thị S**, việc ủy quyền và nhận ủy quyền là phù hợp quy định của Bản điều lệ **D1**, pháp luật về dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Trong vụ án này, căn cứ Hợp đồng tín dụng số K.0078/1322 ngày 27/07/2022; Hợp đồng thế chấp số K.0078/TC22 ngày 27/07/2022; bản sao giấy chứng minh nhân dân bà **Văn Thị S**; bản sao Căn cước công dân của ông **Trần Văn D**; Giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số 1, đăng ký ngày 22/8/2005 tại Ủy ban nhân dân xã **A**, huyện **C**, Tỉnh **Đồng Tháp**, thể hiện ông **D**, bà **S** có quan hệ hôn nhân vợ - chồng, nơi cư trú hiện nay của ông **D**, bà **S** tại số **D L**, Phường **H**, Quận **T**, Thành phố **Hồ Chí Minh**, hai bên đương sự thống nhất chọn nơi ông **D**, bà **S** đăng ký hộ khẩu thường trú là địa chỉ liên lạc và gửi các văn bản giao dịch, nên việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, là loại tranh chấp về hợp đồng dân sự về vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận **T**, T1 phố **Hạ Chí M** theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về tính tự nguyện giao kết giữa các chủ thể khi giao kết hợp đồng: hai bên có xác lập hợp đồng theo mẫu chung do Ngân hàng dự thảo, theo quy định tại Điều 405 Bộ luật dân sự 2015, việc hai bên ký kết hợp đồng theo đúng trình tự, thủ tục quy định, thực tế đồng bị đơn ông **D**, bà **S** đã thực hiện thanh toán một số kỳ của hợp đồng, nên Hội đồng xét xử xét, hình thức và nội dung bản hợp đồng này được giao kết và thực hiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc khi giao kết hợp đồng.

Trong vụ án này, đồng bị đơn ông **D**, bà **S** không có yêu cầu phản tố.

* Về nội dung vụ án:

[6] Tại phiên tòa, các đương sự cam kết không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì khác ngoài các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho **T2** án.

[7] Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn ngày 17/7/2022; Thuyết minh sử dụng vốn vay và hoàn trả nợ ngày 17/7/2022; Hợp đồng tín dụng số K.0078/1322 ngày 27/07/2022; Hợp đồng thế chấp số K.0078/TC22 ngày 27/07/2022; Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 27/7/2022 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố **Hồ Chí Minh**; Bảng kê rút vốn kiêm nhận nợ vay ngày 27/7/2022; Biên bản làm việc về việc thanh toán nợ vay cho **Ngân hàng Đ** ngày 13/3/2023; Thông báo nhắc nợ ngày 13/3/2023, ngày 06/4/2023, ngày 15/5/2023, ngày 18/4/2023, ngày 05/5/2023; Đơn khởi kiện; Bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền **D1**; bảng tính gốc, lãi khách hàng do **D1** lập, cùng các tài liệu chứng cứ khác, Hội đồng xét xử xét, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn nộp và Tòa án đã thu thập, thể hiện ông **Trần Văn D**,

bà **Văn Thị S** là người xác lập giao dịch dân sự với **D1**: lập hợp đồng tín dụng số tiền vay gốc 500.000.000 đồng.

[8] Về yêu cầu tính lãi suất: giữa **D1** và ông **Trần Văn D**, bà **Văn Thị S** thỏa thuận lãi suất tại Hợp đồng tín dụng số K.0078/1322 ngày 27/07/2022; Hợp đồng thế chấp số K.0078/TC22 ngày 27/07/2022.

Hội đồng xét xử xét, đây là lãi suất thỏa thuận giữa **D1** và ông **D**, bà **S**, phù hợp quy định của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của **Ngân hàng N**; Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của **Ngân hàng N**, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của **Ngân hàng N**; Thông tư hợp nhất văn bản số 18/VBHN-NHNN ngày 12/7/2023 của **Ngân hàng N**, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các chứng cứ, phân tích đánh giá toàn bộ nội dung vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông **Trần Văn D**, bà **Văn Thị S** là người yêu cầu **D1** lập hợp đồng tín dụng số tiền vay gốc 500.000.000 đồng, hiện dư nợ của ông **D**, bà **S** tạm tính đến ngày 21/3/2024 là: vốn 463.000.000 đồng, lãi trong hạn 56.105.126 đồng, lãi quá hạn 7.764.603 đồng, tổng cộng nợ vốn và lãi 526.869.729 đồng.

Việc ông **D**, bà **S** là người vi phạm thỏa thuận hợp đồng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của **D1**, do vậy **D1** yêu cầu Tòa án buộc ông **D**, bà **S** thanh toán khoản nợ nêu trên làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; đồng thời, ông **D**, bà **S** còn phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn, do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 22/3/2024, cho đến khi ông **D**, bà **S** thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với **D1**.

[10] Xử lý tài sản thế chấp: Việc thế chấp tài sản đảm bảo hợp đồng tín dụng giữa **D1** và ông **Trần Văn D**, bà **Văn Thị S** đã lập Hợp đồng thế chấp số K.0078/TC22 ngày 27/07/2022; Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 27/7/2022 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh, đối với chiếc xe ô tô con 05 chỗ ngồi, hiệu Subaru, biển kiểm soát số: 51K-374.75 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do **Công an Thành phố H** cấp ngày 25/07/2022, chủ sở hữu/sử dụng là ông **Trần Văn D**, là đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 317, 318, 319, 320, 323 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp ông **D**, bà **S** không thanh toán, thanh toán không đủ số nợ, **D1** được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền đưa tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô con 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu Subaru, biển kiểm soát số: 51K-374.75, chủ sở hữu/sử dụng ông **Trần Văn D** ra Trung tâm đấu giá tài sản, đấu giá thu hồi nợ cho **D1**.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông **Trần Văn D**, bà **Văn Thị S** phải chịu án phí dân sự là 25.074.789 đồng (làm tròn số tiền).

D1 không phải chịu án phí dân sự, **D1** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 11.628.707 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 189, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật doanh nghiệp; Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 317, 318, 319, 320, 323, 405, 463, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Thông tư hợp nhất văn bản số 18/VBHN-NHNN ngày 12/7/2023 của **Ngân hàng N**, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của **Ngân hàng N**, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của **Ngân hàng N**, sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng một số điều của thông tư số 39/2016/TT-NHNN 30 tháng 12 năm 2016 của thống đốc **ngân hàng N** quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ**.

1. Buộc ông **Trần Văn D**, bà **Văn Thị S** có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tổng cộng số tiền nợ vay tính đến ngày 21/3/2024 là: 526.869.729 đồng (Năm trăm hai mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm hai mươi chín đồng); trong đó: tiền vốn gốc 463.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi ba triệu đồng), lãi trong hạn 56.105.126 đồng (Năm mươi sáu triệu một trăm lẻ năm ngàn một trăm hai mươi sáu đồng), lãi quá hạn 7.764.603 đồng (Bảy triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn sáu trăm lẻ ba đồng).

Đồng thời ông **Trần Văn D**, bà **Văn Thị S** còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn, tính từ ngày 22/3/2024 cho đến khi ông **Trần Văn D**, bà **Văn Thị S** thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ**, theo nội dung Hợp đồng tín dụng số K.0078/1322 ngày 27/07/2022; Hợp đồng thế chấp số K.0078/TC22 ngày 27/07/2022; Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 27/7/2022 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh, được giao kết giữa **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** và ông **Trần Văn D**, bà **Văn Thị S**.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông **Trần Văn D**, bà **Văn Thị S** không thanh toán, thanh toán không đủ số nợ nêu trên, **Ngân hàng thương mại cổ phần**

Đ được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền đưa tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô con 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu Subaru, biển kiểm soát số: 51K-374.75, chủ sở hữu/sử dụng ông **Trần Văn D** ra Trung tâm đấu giá tài sản, đấu giá thu hồi nợ cho **D1**.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông **Trần Văn D**, bà **Văn Thị S** phải chịu án phí dân sự là 25.074.789 đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm tám mươi chín đồng), ông **Trần Văn D**, bà **Văn Thị S** nộp án phí dân sự tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** không phải chịu án phí dân sự, **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 11.628.707 đồng (Mười một triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm lẻ bảy đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000144, ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự **Quận T**, **T1** phố **Hạ Chí M**.

3. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông **Trần Văn D**, bà **Văn Thị S** vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN
TÒA**

Lê Nam Hải

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

T3

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ**

Lê Nam Hải

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc giờ phút ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại Phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân Quận T, T1 phố Hịa Chí M.

Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam H,
- *Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Quang C,
Bà Phan Thị Diệu H1.

Đã tiến hành nghị án hồ sơ thụ lý số 578/2023/DSST ngày 02 tháng 11 năm 2023, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2024/QĐST-HPT ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (D2);
- *Bị đơn:* 1. ông Trần Văn D,
2. bà Văn Thị S,

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, H4 đồng xét xử thảo luận và biểu quyết thống nhất 3/3 về những vấn đề sau:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 189, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật doanh nghiệp; Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 317, 318, 319, 320, 323, 405, 463, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Thông tư hợp nhất văn bản số 18/VBHN-NHNN ngày 12/7/2023 của Ngân hàng N, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng N, sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng một số điều của thông tư số 39/2016/TT-NHNN 30 tháng 12 năm 2016 của thống đốc ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

1. Buộc ông **Trần Văn D**, bà **Văn Thị S** có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tổng cộng số tiền nợ vay tính đến ngày 21/3/2024 là: 526.869.729 đồng (Năm trăm hai mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm hai mươi chín đồng); trong đó: tiền vốn gốc 463.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi ba triệu đồng), lãi trong hạn 56.105.126 đồng (Năm mươi sáu triệu một trăm lẻ năm ngàn một trăm hai mươi sáu đồng), lãi quá hạn 7.764.603 đồng (Bảy triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn sáu trăm lẻ ba đồng).

Đồng thời ông **Trần Văn D**, bà **Văn Thị S** còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn, tính từ ngày 22/3/2024 cho đến khi ông **Trần Văn D**, bà **Văn Thị S** thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ**, theo nội dung Hợp đồng tín dụng số K.0078/1322 ngày 27/07/2022; Hợp đồng thế chấp số K.0078/TC22 ngày 27/07/2022; Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 27/7/2022 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh, được giao kết giữa **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** và ông **Trần Văn D**, bà **Văn Thị S**.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông **Trần Văn D**, bà **Văn Thị S** không thanh toán, thanh toán không đủ số nợ nêu trên, **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền đưa tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô con 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu Subaru, biển kiểm soát số: 51K-374.75, chủ sở hữu/sử dụng ông **Trần Văn D** ra Trung tâm đấu giá tài sản, đấu giá thu hồi nợ cho **D1**.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông **Trần Văn D**, bà **Văn Thị S** phải chịu án phí dân sự là 25.074.789 đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm tám mươi chín đồng), ông **Trần Văn D**, bà **Văn Thị S** nộp án phí dân sự tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** không phải chịu án phí dân sự, **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 11.628.707 đồng (Mười một triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm lẻ bảy đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000144, ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự **Quận T**, **T1** phố **Hà Chí M**.

3. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông **Trần Văn D**, bà **Văn Thị**

S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Buổi nghị án kết thúc lúc giờ phút cùng ngày, các thành viên Hội đồng xét xử đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA